



PHỤ LỤC I
PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG ĐÔ THỊ TỈNH CÀ MAU
THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050
(Kèm theo Quyết định số 568/QĐ-UBND ngày 27 tháng 02 năm 2026
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau)

STT	Tên đô thị	Phạm vi	Phân loại theo Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15 ngày 24/12/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị		
			Năm 2025	Đến năm 2030	Đến năm 2050
1	Đô thị Cà Mau	Phường An Xuyên	II	II	II
		Phường Lý Văn Lâm			
		Phường Tân Thành			
		Phường Hòa Thành			
2	Đô thị Bạc Liêu	Phường Bạc Liêu	II	II	II
		Phường Vĩnh Trạch			
		Phường Hiệp Thành			
3	Đô thị Giá Rai	Phường Giá Rai	III	III	II
		Phường Láng Tròn			
		Xã Phong Thạnh			
4	Đô thị Sông Đốc	Xã Sông Đốc	III	III (đầu tư hoàn thiện cơ sở hạ tầng theo tiêu chí đô thị loại III trên địa bàn toàn xã; nâng loại ĐVHC lên phường đối với xã đạt tiêu chuẩn ĐVHC đô thị)	II
5	Đô thị Năm Căn	Xã Năm Căn	III		
6	Đô thị Gành Hào	Xã Gành Hào	III		
7	Đô thị Hòa Bình	Xã Hòa Bình	III		
8	Đô thị Phước Long	Xã Phước Long	III		
9	Đô thị Cái Nước	Xã Cái Nước	III	III (quản lý)	III (đầu tư

STT	Tên đô thị	Phạm vi	Phân loại theo Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15 ngày 24/12/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị				
			Năm 2025	Đến năm 2030	Đến năm 2050		
10	Đô thị Đầm Dơi	Xã Đầm Dơi	III	không gian đô thị đối với khu vực đã được công nhận là đô thị trước ngày 01/7/2025; đầu tư hoàn thiện cơ sở hạ tầng theo tiêu chí đô thị loại III theo Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15, (tiến tới thành lập phường)	hoàn thiện cơ sở hạ tầng trên địa bàn toàn xã theo tiêu chí đô thị loại III theo Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15, (tiến tới thành lập phường)		
11	Đô thị Cái Đôi Vàm	Xã Cái Đôi Vàm	III				
12	Đô thị U Minh	Xã Nguyễn Phích	III				
13	Đô thị Trần Văn Thời	Xã Trần Văn Thời	III				
14	Đô thị Thới Bình	Xã Thới Bình	III				
15	Đô thị Rạch Gốc	Xã Phan Ngọc Hiền	III				
16	Đô thị Đất Mũi	Xã Đất Mũi	III				
17	Đô thị Khánh Bình Tây	Xã Đá Bạc	III				
18	Đô thị Tân Thuận	Xã Tân Thuận	III				
19	Đô thị Ngan Dừa	Xã Hồng Dân	III				
20	Đô thị Châu Hưng	Xã Vĩnh Lợi	III				
21	Đô thị Thạnh Phú	Xã Lương Thế Trân	III				
22	Đô thị Khánh Hội	Xã Khánh Lâm	III				
23	Đô thị Trí Phải	Xã Trí Phải	III				
24	Đô thị Tân Hưng	Xã Tân Hưng	III				
25	Đô thị Phú Tân	Xã Phú Tân	III				
26	Đô thị Thanh Tùng	Xã Thanh Tùng	III				
27	Đô thị Nguyễn Huân	Xã Tân Tiến	III				
28	Đô thị Ninh Quới A	Xã Ninh Quới	III				
29	Đô thị Chù Chí	Xã Phong Hiệp	III				
30	Đô thị Vĩnh Thịnh	Xã Vĩnh Hậu	III				
31	Đô thị Phó Sinh	Xã Vĩnh Phước	III				
32	Đô thị Vĩnh Hưng	Xã Châu Thới	III				
33	Đô thị Hưng Mỹ	Xã Hưng Mỹ	Chưa phân loại đô thị				
34	Đô thị Hồ Thị Kỳ	Xã Hồ Thị Kỳ					
35	Đô thị Vĩnh Mỹ	Xã Vĩnh Mỹ					
36	Đô thị Khánh An	Xã Khánh An	Chưa phân loại			Chưa phân loại đô thị	III (đầu tư hoàn thiện cơ



STT	Tên đô thị	Phạm vi	Phân loại theo Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15 ngày 24/12/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị		
			Năm 2025	Đến năm 2030	Đến năm 2050
37	Đô thị Quách Phẩm	Xã Quách Phẩm	đô thị		sở hạ tầng theo tiêu chí đô thị loại III đối với khu vực công nhận đô thị Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15)
38	Đô thị Trần Phán	Xã Trần Phán			
39	Đô thị Long Điền	Xã Long Điền			
40	Đô thị Định Thành	Xã Định Thành			
41	Đô thị Hưng Hội	Xã Hưng Hội			
42	Đô thị Vĩnh Lộc	Xã Vĩnh Lộc			

Ghi chú:

- Định hướng phân loại đô thị đảm bảo phù hợp với Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn. Xem xét bổ sung các đô thị mới, khu vực dự kiến hình thành đô thị theo hướng linh hoạt, phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội và khả năng đáp ứng các tiêu chí quy định.

- Trong quá trình xây dựng phát triển đô thị, nếu các đô thị đạt tiêu chí phân loại đô thị sớm hơn hoặc muộn hơn định hướng sẽ cho phép thực hiện các thủ tục đánh giá, công nhận loại đô thị tại thời điểm đánh giá đạt các tiêu chí phân loại đô thị theo quy định của pháp luật.

PHỤ LỤC II
PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN KHU KINH TẾ, KHU CÔNG NGHIỆP TỈNH CÀ MAU
THỜI KỶ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050
(Kèm theo Quyết định số 568/QĐ-UBND ngày 27 tháng 02 năm 2026
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau)

STT	Tên	Địa điểm	Diện tích (ha)	Ghi chú
A	KHU KINH TẾ		10.801,95	
1	Khu Kinh tế Năm Căn ^(*)	Xã Năm Căn và một phần xã Đất Mới	10.801,95	
B	KHU CÔNG NGHIỆP		3.664,31	
I	10 KCN đã được quy hoạch		3.214,31	
	4 KCN theo QĐ số 1386/QĐ-TTg ngày 16/11/2023		1.052,31	
1	KCN Khánh An	Xã Khánh An	235,86	
2	KCN Hoà Trung	Xã Lương Thế Trân	326	
3	KCN Sông Đốc	Xã Sông Đốc	145,45	
3.1	KCN Sông Đốc phía Nam	Xã Sông Đốc	100	
3.2	KCN Sông Đốc	Xã Sông Đốc	45,45	
4	KCN Tác Thủ	Xã Khánh An	345	
	02 KCN theo QĐ số 1386/QĐ-TTg ngày 16/11/2023 điều chỉnh diện tích		1.245	
5	KCN Tân Thuận	Xã Tân Thuận	490	Tăng 147 ha
6	KCN (trong KKT Năm Căn)	Xã Năm Căn	755	Tăng 335 ha
	01 KCN theo QĐ số 1598/QĐ-TTg ngày 08/12/2023		257	
7	KCN Ninh Quới	Xã Ninh Quới	257	
	03 KCN thuộc QĐ 1598/QĐ-TTg ngày 08/12/2023 điều chỉnh diện tích		660	
8	KCN Trà Kha	Phường Bạc Liêu	65	Điều chỉnh theo thực tế
9	KCN Láng Trâm	Xã Phong Thạnh	150 - 200	Tăng 50-100 ha
10	KCN Bạc Liêu	Phường Vĩnh Trạch	395 - 445	Giảm 55-105 ha
II	03 KCN bổ sung mới		450	
11	KCN Hòn Khoai	Xã Đất Mũi và Xã Phan Ngọc Hiển	100	



	Tên	Địa điểm	Diện tích (ha)	Ghi chú
12	KCN Phú Mỹ	Xã Phú Mỹ	150	
13	KCN Khánh An I	Xã Khánh An	200	

Ghi chú:

(*) Khu kinh tế Năm Căn: Theo Quyết định số 18/QĐ-TTg ngày 06/01/2026 của Thủ tướng Chính phủ; trong đó, có 4 phân vùng chức năng: Vùng phát triển du lịch, vùng phát triển đô thị, vùng phát triển công nghiệp, dịch vụ hậu cần cảng và vùng phát triển nông nghiệp công nghệ cao (Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao về thủy sản, diện tích xây dựng 1.986,78 ha).

- Tên, vị trí, quy mô, phân kỳ đầu tư và phạm vi ranh giới khu kinh tế, khu công nghiệp sẽ được xác định cụ thể trong các đề án thành lập, quy hoạch đô thị, nông thôn; quy hoạch chi tiết ngành và dự án đầu tư. Xem xét mở rộng phạm vi khu kinh tế, khu công nghiệp khi đủ điều kiện. Bổ sung một số khu công nghiệp mới từ việc sắp xếp các cụm công nghiệp khi đủ điều kiện.

- Các khu công nghiệp tiềm năng có nhu cầu đầu tư sớm hơn để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương thì cơ quan được giao chủ trì thực hiện dự án báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định theo quy định.

- Các dự án, công trình khác ngoài danh mục nêu trên được triển khai thực hiện phù hợp với mục tiêu, định hướng phát triển, sắp xếp, phân bố không gian các hoạt động kinh tế - xã hội của tỉnh, cơ quan được giao chủ trì thực hiện dự án tham mưu hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

PHỤ LỤC III
PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN CÁC CỤM CÔNG NGHIỆP TỈNH CÀ MAU
THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

*(Kèm theo Quyết định số 568/QĐ-UBND ngày 27 tháng 02 năm 2026
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau)*

STT	Tên CCN	Địa điểm	Diện tích (ha)	Ghi chú
Tổng diện tích CCN (I+II)			1.946,68	
I	Các cụm công nghiệp (CCN) đã được quy hoạch		1.456,68	
I.1	15 CCN đã được quy hoạch tại Quyết định số 1386/QĐ-TTg ngày 16/11/2023		796,68	
1	CCN Lý Văn Lâm (CCN Phường 8 và xã Lý Văn Lâm)	Phường Lý Văn Lâm	50	
2	CCN Tân Thuận	Xã Tân Thuận	50	
3	CCN Đầm Dơi (CCN thị trấn Đầm Dơi)	Xã Đầm Dơi	75	
4	CCN Đầm Cùg	Xã Cái Nước	50	
5	CCN Quán lộ Phụng Hiệp	Phường Tân Thành	75	
6	CCN Thới Bình (CCN xã Thới Bình)	Xã Thới Bình	63,1	
7	CCN Cái Đôi Vàm (CCN Phú Tân)	Xã Cái Đôi Vàm	70	
8	CCN Làng nghề Cái Đôi Vàm (CCN Làng nghề Phú Tân)	Xã Cái Đôi Vàm	20	
9	CCN Khánh Hội	Xã Khánh Lâm	50	
10	CCN Rạch Gốc (CCN - TTCN thị trấn Rạch Gốc)	Xã Phan Ngọc Hiển	75	
11	CCN làng nghề Ngọc Hiển (CCN - TTCN Ngọc Hiển)	Xã Phan Ngọc Hiển	18,23	
12	CCN Hòa Thành (CCN thành phố Cà Mau)	Phường Hòa Thành	75	
13	CCN Trí Phải	Xã Trí Phải	25,35	
14	CCN làng nghề Đá Bạc (CCN làng nghề Khánh Bình Tây)	Xã Đá Bạc	25	
15	CCN Nguyễn Phích	Xã Nguyễn Phích	75	



	Tên CCN	Địa điểm	Diện tích (ha)	Ghi chú
I.2	01 CCN đã được quy hoạch tại Quyết định số 1386/QĐ-TTg ngày 16/11/2023 điều chỉnh vị trí, giảm diện tích từ 75 ha còn 50 ha		50	
1	CCN Hồ Thị Kỳ (CCN xã Hồ Thị Kỳ)	Xã Hồ Thị Kỳ	50	Giảm 25 ha
I.3	11 CCN đã được quy hoạch tại Quyết định số 1598/QĐ-TTg ngày 08/12/2023 tiếp tục thực hiện		610	
1	CCN Chủ Chí	Xã Phong Hiệp	30	
2	CCN Vĩnh Mỹ	Xã Vĩnh Mỹ	30	
3	CCN Hưng Hội (CCN Vĩnh Lợi)	Xã Hưng Hội	50	
4	CCN Hồng Dân	Xã Hồng Dân	50	
5	CCN Chủ Chí 2	Xã Phong Hiệp	50	
6	CCN Châu Hưng A	Xã Vĩnh Lợi	50	
7	CCN Tân Thạnh	Xã Phong Thạnh	70	
8	CCN Phong Thạnh Tây	Xã Phong Thạnh	70	
9	CCN Hòa Bình	Xã Hòa Bình	70	
10	CCN Gành Hào (CCN Đông Hải)	Xã Gành Hào	70	
11	CCN Ninh Quới A	Xã Ninh Quới	70	
II	Các cụm công nghiệp bổ sung vào Quy hoạch		490	
1	CCN Định Thành	Xã Định Thành	75	
2	CCN Hưng Mỹ	Xã Hưng Mỹ	75	
3	CCN Đất Mới	Xã Đất Mới	70	
4	CCN Hiệp Thành	Phường Hiệp Thành	75	
5	CCN Long Điền	Xã Long Điền	70	
6	CCN Vĩnh Lộc	Xã Vĩnh Lộc	75	

STT	Tên CCN	Địa điểm	Diện tích (ha)	Ghi chú
7	CCN Sông Đốc	Xã Sông Đốc	25	
8	CCN tuyến đường vành đai 3	Tuyến đường vành đai 3 (dự kiến phường An Xuyên)	25	

Ghi chú:

- Tên, vị trí, quy mô, phân kỳ đầu tư, ngành nghề hoạt động và phạm vi ranh giới các cụm công nghiệp sẽ được xác định cụ thể trong các quy hoạch đô thị, nông thôn, quy hoạch chi tiết ngành và dự án đầu tư. Nghiên cứu, xem xét mở rộng phạm vi các cụm công nghiệp khi đủ điều kiện và sắp xếp, điều chỉnh, bổ sung phát triển cụm công nghiệp để phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; cơ quan được giao chủ trì thực hiện tham mưu hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

- Quá trình tổ chức thực hiện, lộ trình đầu tư cụm công nghiệp sẽ được xác định theo nhu cầu phát triển của địa phương và tuân thủ quy định pháp luật.



PHỤ LỤC IV
PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN CÁC KHU, ĐIỂM DU LỊCH TỈNH CÀ MAU
THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

*(Kèm theo Quyết định số 568/QĐ-UBND ngày 27 tháng 02 năm 2026
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau)*

STT	Khu/điểm du lịch	Địa chỉ	Định hướng
1	Khu du lịch Mũi Cà Mau	Xã Đất Mũi	Đến năm 2030 công nhận Khu du lịch quốc gia
2	Khu du lịch Khai Long	Xã Đất Mũi	
3	Khu Nhà Mát - Bạc Liêu	Phường Hiệp Thành	Định hướng công nhận Khu du lịch quốc gia
4	Điểm du lịch sinh thái Hồ Nam	Phường Bạc Liêu	
5	Điểm du lịch Khu Nhà Công tử Bạc Liêu	Phường Bạc Liêu	
6	Điểm du lịch Khu lưu niệm Nghệ thuật đờn ca tài tử Nam bộ và nhạc sỹ Cao Văn Lầu	Phường Bạc Liêu	
7	Điểm du lịch Quảng trường Hùng Vương	Phường Bạc Liêu	
8	Điểm du lịch Quán Âm Phật Đài	Phường Hiệp Thành	
9	Điểm du lịch Điện gió Bạc Liêu	Phường Hiệp Thành	
10	Điểm du lịch Khu Di tích Đồng Nọc Nặng	Phường Giá Rai	
11	Điểm du lịch Chùa Xiêm Cán	Phường Hiệp Thành	
12	Điểm du lịch Hương Tràm U Minh	Xã Khánh An	
13	Điểm du lịch sinh thái Hoa Rừng U Minh	Xã Khánh An	
14	Điểm du lịch Vườn nhãn cổ	Phường Hiệp Thành	
15	Vườn chim Bạc Liêu	Phường Hiệp Thành	
16	Nhà hát Cao Văn Lầu	Phường Bạc Liêu	
17	Di tích lịch sử văn hóa Đền thờ Chủ tịch Hồ Chí Minh	Xã Châu Thới	

STT	Khu/điểm du lịch	Địa chỉ	Định hướng
18	Di tích lịch sử văn hóa Chùa Giác Hoa	Xã Châu Thới	
19	Di tích Quốc gia đặc biệt Khảo cổ Vĩnh Hưng	Xã Châu Thới	
20	Điểm du lịch sinh thái Sông Trẹm	Xã Nguyễn Phích	
21	Vườn Quốc gia U Minh Hạ	Xã Đá Bạc	Định hướng công nhận Khu du lịch cấp tỉnh; đưa vào danh sách địa điểm tiềm năng trở thành khu du lịch quốc gia
22	Điểm du lịch sinh thái Cà Mau Eco	Xã Đá Bạc	
23	Điểm Du lịch sinh thái Mười Ngọt	Xã Đá Bạc	
24	Khu du lịch Hòn Đá Bạc	Xã Đá Bạc	Định hướng công nhận Khu du lịch cấp tỉnh
25	Điểm tập kết ra Bắc cuối năm 1954 đầu năm 1955 tại Sông Đốc	Xã Sông Đốc	
26	Lăng Ông Nam Hải - Sông Đốc	Xã Sông Đốc	
27	Khu lưu niệm Nghệ nhân dân gian Nguyễn Long Phi (Bác Ba Phi)	Xã Khánh Hưng	
28	Khu di tích lịch sử Quốc gia đặc biệt Căn cứ Cái Chanh	Xã Ninh Thạnh Lợi	Định hướng công nhận Khu du lịch cấp tỉnh
29	Khu du lịch Sinh thái Điện gió Hòa Bình 1	Xã Vĩnh Hậu	Định hướng công nhận Khu du lịch cấp tỉnh
30	Chùa Hưng Thiện	Xã Hưng Hội	
31	Nhà Thờ Tác Sậy	Xã Phong Thạnh	Định hướng công nhận Khu du lịch cấp tỉnh
32	Làng nghề Đan Đát	Xã Phước Long	
33	Làng nghề Muối	Các xã: Vĩnh Hậu, Long Điền, Đông Hải	
34	Khu tưởng niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh	Phường An Xuyên	
35	Quảng trường Phan Ngọc Hiền	Phường An Xuyên	



	Khu/điểm du lịch	Địa chỉ	Định hướng
	Khu văn hóa đa năng ngoài công lập	Xã Phong Thạnh	
37	Đầm Thị Tường	Các xã: Hưng Mỹ, Phú Mỹ, Sông Đốc, Trần Văn Thời	Định hướng công nhận Khu du lịch cấp tỉnh
38	Khu du lịch sinh thái Thư Duy	Phường Tân Thành	
39	Công trình biểu tượng Lúa nước kết hợp với khu du lịch sinh thái Lúa nước	Xã Vĩnh Lợi	

Ghi chú:

- Tên, vị trí, quy mô, diện tích, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các công trình nêu trên sẽ được xác định cụ thể trong giai đoạn lập kế hoạch, phê duyệt hoặc quyết định chủ trương đầu tư thực hiện dự án.

- Các đề án/dự án khác ngoài danh mục được bổ sung, cập nhật phù hợp với mục tiêu, định hướng phát triển, sắp xếp, phân bố không gian các hoạt động kinh tế - xã hội của tỉnh.

PHỤ LỤC V
PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN CÁC TUYẾN GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ
TỈNH CÀ MAU THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050
(Kèm theo Quyết định số 568/QĐ-UBND ngày 27 tháng 02 năm 2026
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau)

STT	Tên tuyến	Điểm đầu	Điểm cuối	Quy mô dự kiến (cấp đường, số làn xe)
A	CAO TỐC, QUỐC LỘ			
I	Thực hiện theo Quy hoạch mạng lưới đường bộ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Quyết định số 1454/QĐ-TTg ngày 01/9/2021 và Quyết định số 12/QĐ-TTg ngày 31/01/2025 của Thủ tướng Chính phủ			
II	Triển khai khi được điều chỉnh, bổ sung vào Quy hoạch mạng lưới đường bộ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050			
	Kéo dài tuyến cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Tiền Giang - Bến Tre - Trà Vinh - Sóc Trăng (CT.33) - Bạc Liêu - Cà Mau	Giao với điểm cuối đường cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Tiền Giang - Bến Tre - Trà Vinh - Sóc Trăng (CT.33)	Giao với đường Vành đai 3 (tại nút giao tuyến tránh Quốc lộ 1 và đường Tôn Đức Thắng nối dài theo quy hoạch), phường Tân Thành	4 làn xe
B	ĐƯỜNG TỈNH			
I	Tuyến nâng cấp, cải tạo			
1	ĐT.976	Phường Bạc Liêu	Xã Hưng Hội, giáp ranh Cần Thơ	Cấp III, 2 làn xe
2	ĐT.976B	Quốc lộ 1, xã Vĩnh Lợi	ĐT.976, xã Hưng Hội	Cấp III, 2 làn xe
3	ĐT.977 (đường bộ ven biển)	Phường Hiệp Thành, giáp ranh Cần Thơ	Xã U Minh, giáp ranh An Giang	Cấp III, 2-4 làn xe
4	ĐT.977B	Bờ Nam kênh Bạc Liêu - Cà Mau, phường Vĩnh Trạch	ĐT.977D, phường Hiệp Thành	Cấp III, 2 làn xe
5	ĐT.977D (tuyến đê biển)	Phường Hiệp Thành, giáp ranh Cần Thơ	ĐT.977, xã Long Điền	Cấp III, 2 - 4 làn xe
6	ĐT.978	Quốc lộ 1, xã Hòa Bình	ĐT.979, xã Vĩnh Lộc	Cấp III, 2 làn xe



	Tên tuyến	Điểm đầu	Điểm cuối	Quy mô dự kiến (cấp đường, số làn xe)
	ĐT.978B	Quản Lộ Phụng Hiệp, xã Phước Long	ĐT.977D (Đê biển), xã Vĩnh Hậu	Cấp III, 2 làn xe
8	ĐT.979	Quốc lộ 1, xã Vĩnh Mỹ	Giáp ranh tỉnh An Giang	Cấp III, 2 làn xe
9	ĐT.979B	Quốc lộ 1 (tại điểm cuối tuyến Quốc lộ 1 tránh Hòa Bình)	ĐT.977D (Đê biển), xã Đông Hải	Cấp III, 2 làn xe
10	ĐT.980 (nâng cấp thành QL63B)	Ranh tỉnh An Giang, xã Ninh Thạnh Lợi	ĐT.977 (đường ven biển), xã Long Điền	Cấp III, 2-4 làn xe
11	ĐT.980B	Quốc lộ 1, xã Vĩnh Lợi	ĐT.981, xã Phong Thạnh	Cấp III, 2 làn xe
12	ĐT.981	Quốc lộ 1, xã Phong Thạnh	Đường Hồ Chí Minh (QL63), xã Trí Phải	Cấp III, 2 làn xe
13	ĐT.981B	Quốc lộ 1, phường Giá Rai	ĐT.982, xã Gành Hào	Cấp III, 2 làn xe
14	ĐT.982	Quốc lộ 1, xã Phong Thạnh	Xã Gành Hào và ĐT.988B, xã Tân Thuận	Cấp III, 2 làn xe
15	ĐT.982B	Quốc lộ 1, xã Phong Thạnh	Ranh phường An Xuyên	Cấp III, 2 làn xe
16	ĐT.983	Quốc lộ 63, xã Trí Phải	Đường 3/2, xã Thới Bình	Cấp III, 2 làn xe
17	ĐT.983B	ĐT.982B, ranh phường An Xuyên và xã Phong Thạnh	Đường đê biển, xã Khánh Lâm	Cấp III, 2 làn xe
18	ĐT.984	ĐT.985C, xã Khánh An	Đường đê biển, xã Khánh Lâm	Cấp III, 2 làn xe
19	ĐT.984B	Quản Lộ Phụng Hiệp, phường Tân Thành	ĐT.984, xã Khánh An	Cấp III, 2-4 làn xe
20	ĐT.984C	ĐT.983, xã Trí Phải	ĐT.984 (T13-U Minh - Khánh Hội)	Cấp III, 2 làn xe

STT	Tên tuyến	Điểm đầu	Điểm cuối	Quy mô dự kiến (cấp đường, số làn xe)
21	ĐT.984D	Đường hành lang ven biển phía Nam, xã Biển Bạch	ĐT.984C, xã Nguyễn Phích	Cấp IV
22	ĐT.985	ĐT.985B, Xã Trần Văn Thời	ĐT.985D, xã Hưng Mỹ	Cấp III, 2 làn xe
23	ĐT.985B	Giao với đường ĐT.984B Võ Văn Kiệt	Đường ven biển, xã Sông Đốc	Cấp III, 2 làn xe
24	ĐT.985C	ĐT.984B Võ Văn Kiệt	Đường đê biển, xã Đá Bạc	Cấp III, 2 làn xe
25	ĐT.985D	Quốc lộ 1 tại Km2267+800 (trước cầu Rau Dừa)	Xã Sông Đốc	Cấp III, 2 làn xe
26	ĐT.985E	ĐT.985D, Xã Trần Văn Thời	Đầm Thị Tường, Xã Trần Văn Thời	Cấp III, 2 làn xe
27	ĐT.985F	ĐT.987, xã Tân Hưng	Đường ven biển, xã Phú Tân	Cấp IV, 2 làn xe
28	ĐT.986	ĐT.988, xã Đầm Dơi	Đường ven biển, xã Cái Đoi Vàm	Cấp III, 2 làn xe
29	ĐT.986B	Đường Hồ Chí Minh, xã Đất Mới	ĐT.986 giáp ranh xã Cái Đoi Vàm và Xã Nguyễn Việt Khái	Cấp III, 2-4 làn xe
30	ĐT.988	Đường 3/2, phường Tân Thành	ĐT.986, xã Đầm Dơi	Cấp III, 2 làn xe
31	ĐT.988B	Quốc lộ 1, xã Hưng Mỹ	Cửa biển Gành Hào, xã Tân Thuận	Cấp III, 2 làn xe
II	Đường tỉnh mở mới			
1	Đường vành đai ngoài đô thị Bạc Liêu (bao gồm cả nhánh kết nối với đường ven biển 5,7 km)	Quốc lộ 1, phường Bạc Liêu	Đầu đường Võ Văn Kiệt (nút giao ngã 5), phường Bạc Liêu	Theo tiêu chuẩn đường đô thị
2	Tuyến đường song hành phía Đông Quốc lộ 1	Đường vành đai ngoài phường Bạc Liêu	ĐT.976B, xã Vĩnh Lợi	Theo tiêu chuẩn đường đô thị



	Tên tuyến	Điểm đầu	Điểm cuối	Quy mô dự kiến (cấp đường, số làn xe)
3	ĐT.977C (Đường nối tiếp cao tốc Hà Tiên - Rạch Giá - Bạc Liêu đến Đê biển (tại xã Vĩnh Hậu)	Giao với điểm cuối cao tốc Hà Tiên - Rạch Giá - Bạc Liêu, phường Bạc Liêu	ĐT.977D (tuyến đê biển), xã Vĩnh Hậu	Cấp III, 2-4 làn xe
4	ĐT.978C	Tuyến vành đai, xã Hòa Bình	Đường đê biển, xã Vĩnh Hậu	Cấp III, 2-4 làn xe
5	ĐT.980C	Giao với tuyến cao tốc Hà Tiên - Rạch Giá - Bạc Liêu và CT33 (dự kiến)	Giao với tuyến đường song hành phía Đông Quốc lộ 1	Cấp III 2-4 làn xe
6	Tuyến kết nối đô thị Cà Mau và đô thị Bạc Liêu (ĐT.980D)	ĐT.988, phường Hòa Thành	Điểm cuối Dự án cầu Bạc Liêu 5 (đường Trần Huỳnh nối dài giao với đường Vành đai ngoài)	Cấp III, 4 làn xe
7	ĐT.983C	Tuyến tránh Quốc lộ 1, phường Tân Thành	Sông Trèm Trèm, xã Hồ Thị Kỳ	Cấp III, 4 làn xe
8	ĐT.987	Tuyến tránh Quốc lộ 1, Xã Lương Thế Trân	ĐT.986B, Xã Nguyễn Việt Khái và đường ven biển	Cấp III, 2 làn xe
9	ĐT.987B	ĐT.987, xã Cái Nước	Đường ven biển, xã Tân Tiến	Cấp III, 2 làn xe
10	ĐT.988C	Đường Hồ Chí Minh (Năm Căn - Đất Mũi), Xã Phan Ngọc Hiến	Đường ven biển, xã Tân Ân	Cấp III, 2-4 làn xe
11	ĐT.988D	Đường Hồ Chí Minh (Năm Căn - Đất Mũi), Xã Phan Ngọc Hiến	Đường ven biển, xã Đất Mũi	Cấp III, 2-4 làn xe
12	ĐT.990	ĐT.988, xã Đầm Dơi	Quốc lộ 1, xã Năm Căn	Cấp III, 2 làn xe
13	Đường kết nối ra đảo Hòn Khoai	Nối cao tốc Cà Mau - Đất Mũi	Đảo Hòn Khoai	Cầu vượt biển, 4 làn xe

STT	Tên tuyến	Điểm đầu	Điểm cuối	Quy mô dự kiến (cấp đường, số làn xe)
14	Tuyến cao tốc kết nối trung tâm hành chính của hai tỉnh Cà Mau và Bạc Liêu trước đây (trên cơ sở kéo dài tuyến cao tốc CT.33 - Bạc Liêu - Cà Mau; triển khai khi không được điều chỉnh, bổ sung vào quy hoạch ngành quốc gia, quy hoạch vùng có liên quan)	Giao với đường Vành đai 3 (tại nút giao tuyến tránh Quốc lộ 1 và đường Tôn Đức Thắng nối dài theo quy hoạch), phường Tân Thành	Giao với tuyến cao tốc Hà Tiên - Rạch Giá - Bạc Liêu (CT.35) và CT33 (dự kiến)	4 làn xe

Ghi chú:

- Trong quá trình thực hiện sẽ cập nhật điều chỉnh theo các Quyết định điều chỉnh của quy hoạch cao hơn (nếu có). Số làn xe thể hiện là tối thiểu, tùy theo tình hình cụ thể có thể mở rộng hơn để đáp ứng nhu cầu thực tế.

- Quy mô đầu tư, điểm đầu, điểm cuối, hướng tuyến sẽ được xác định cụ thể trong giai đoạn lập các thủ tục đầu tư dự án. Các dự án có thể thực hiện trước thời kỳ quy hoạch khi đảm bảo được nguồn vốn triển khai dự án.

- Trong quá trình triển khai, tùy theo nhu cầu vận tải và khả năng nguồn lực đầu tư, cấp quyết định chủ trương đầu tư quyết định việc phân kỳ đầu tư bảo đảm hiệu quả dự án.

- Các đoạn đường qua đô thị quy mô thực hiện theo quy hoạch đô thị.

- Riêng các tuyến đường chuyên dụng phục vụ cho khu chức năng thực hiện đầu tư theo quy hoạch khu chức năng.

- Các dự án, công trình khác ngoài danh mục trên được triển khai thực hiện phù hợp với mục tiêu, định hướng phát triển, sắp xếp, phân bố không gian các hoạt động kinh tế - xã hội của tỉnh.

**PHỤ LỤC VI****PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG BẾN XE TỈNH CÀ MAU
THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050**

*(Kèm theo Quyết định số 568/QĐ-UBND ngày 27 tháng 02 năm 2026
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau)*

STT	Tên danh mục	Loại/cấp	Địa điểm
1	Bến xe Hộ Phòng	Loại 3	Phường Giá Rai
2	Bến xe Gành Hào	Loại 3	Xã Gành Hào
3	Bến xe Châu Thới	Loại 4	Xã Châu Thới
4	Bến xe Phước Long	Loại 3	Xã Phước Long
5	Bến xe Ngan Dừa	Loại 3	Xã Hồng Dân
6	Bến xe Bạc Liêu cũ	(Di dời)	Phường Bạc Liêu
7	Bến xe Bạc Liêu mới	Loại 2	Xã Vĩnh Lợi
8	Bến xe Nhà Mát	Loại 3	Phường Hiệp Thành
9	Bến xe Cái Chanh	Loại 3	Xã Ninh Thạnh Lợi
10	Bến xe Chù Chí	Loại 3	Xã Phong Thạnh
11	Bến xe Hòa Bình	Loại 3	Xã Hòa Bình
12	Bến xe khách Cà Mau - Kiên Giang	Loại 4	Phường An Xuyên
13	Bến xe khách Quán Lộ - Phụng Hiệp	Loại 1	Phường Tân Thành
14	Bến xe khách Cà Mau	Loại 2	Phường Tân Thành
15	Bến xe khách Thới Bình	Loại 4	Xã Thới Bình
16	Bến xe khách Khánh Hội	Loại 4	Xã Khánh Lâm
17	Bến xe khách Sông Đốc	Loại 2	Xã Sông Đốc
18	Bến xe khách Cái Nước	Loại 3	Xã Cái Nước
19	Bến xe khách Cái Đoi Vàm	Loại 4	Xã Cái Đoi Vàm
20	Bến xe khách Đầm Dơi	Loại 4	Xã Đầm Dơi
21	Bến xe - tàu khách Năm Căn	Loại 2	Xã Năm Căn
22	Bến xe khách Ngọc Hiển	Loại 3	Xã Phan Ngọc Hiển

STT	Tên danh mục	Loại/cấp	Địa điểm
23	Bến xe khách Đất Mũi	Loại 3	Xã Đất Mũi
24	Bến xe Đá Bạc	Loại 4	Xã Đá Bạc
25	Các bến xe khách khác		Các xã, phường khác

Ghi chú:

- Trong quá trình thực hiện có thể cập nhật điều chỉnh theo các Quyết định điều chỉnh của quy hoạch cấp trên (nếu có). Quy mô, địa điểm đầu tư sẽ được xác định cụ thể trong giai đoạn lập các thủ tục đầu tư.

- Ngoài các bến xe nêu trên, xem xét theo mục tiêu, nhu cầu thực tế, điều chỉnh, phát triển thêm các bến phù hợp với định hướng phát triển, sắp xếp, phân bố không gian các hoạt động kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Riêng Bến xe Bạc Liêu (cũ) tại Phường Bạc Liêu sẽ thực hiện theo quy hoạch của địa phương để phù hợp với nhu cầu phát triển đô thị của phường Bạc Liêu theo hướng tận dụng quỹ đất để chỉnh trang đô thị, phục vụ hoạt động vận tải nội tỉnh, đảm bảo kết cấu hạ tầng giao thông cho xây dựng đô thị thông minh.



PHỤ LỤC VII
PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN TUYẾN ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA
TỈNH CÀ MAU THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050
(Kèm theo Quyết định số 568/QĐ-UBND ngày 27 tháng 02 năm 2026
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau)

A. TUYẾN ĐƯỜNG THỦY QUỐC GIA

Thực hiện theo Quy hoạch kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Quyết định số 1829/QĐ-TTg ngày 31 tháng 10 năm 2021 và Quyết định số 1587/QĐ-TTg ngày 17/12/2024 của Thủ tướng Chính phủ.

B. TUYẾN ĐƯỜNG THỦY ĐỊA PHƯƠNG

STT	Tên danh mục	Điểm đầu - Điểm cuối	Loại/cấp
1	Sông Cái Tàu - Biện Nhị	Ngã ba Cái Tàu - Cửa Khánh Hội	IV
2	Kênh Thị Kẹo - Cái Đôi Vàm		
2.1	Đoạn 1	Ngã ba Phong Điền - Ngã ba Vàm Đình	IV
2.2	Đoạn 2	Ngã ba Vàm Đình - Trụ sở Đảng ủy xã Phú Tân	V
2.3	Đoạn 3	Trụ sở Đảng ủy xã Phú Tân - Cửa Cái Đôi Vàm	IV
3	Sông Bảy Háp	Ngã ba Đầm Cùng - Cửa Gò Công	III
4	Sông Rạch Rập - Đầm Cùng		
4.1	Đoạn 1	Ngã ba kênh Lương Thế Trân - xã Cái Nước	V
4.2	Đoạn 2	Xã Cái Nước - Ngã ba Đầm Cùng	IV
5	Sông Năm Căn - Rạch Tàu	Năm Căn - Rạch Tàu	IV
6	Sông Rạch Gốc	Vàm Ông Định - Cửa Rạch Gốc	III
7	Sông Đầm Dơi	Ngã ba Muơng Điều - Cửa Hố Gùi	III
8	Sông Đầm Chim		
8.1	Đoạn 1	Ngã ba Tân Tiến - Ngã ba Trảng Trâm	IV
8.2	Đoạn 2	Ngã ba Vàm Đầm - Ngã ba Tam Giang	IV
9	Sông Bến Dừa	Giáp sông Cửa Lớn - xã Thanh Tùng	III
10	Kênh 17	Đầu sông Ông Đơn (giáp sông Đầm Dơi) - Ngã ba Tam Giang	IV
11	Kênh Quản lộ - Phụng Hiệp	Cống Cà Mau - Ngã ba sông Gành Hào	V

STT	Tên danh mục	Điểm đầu - Điểm cuối	Loại/cấp
12	Kênh Bạc Liêu - Cà Mau	Hạ lưu Trạm quản lý Đường thủy nội địa Cà Mau 200m (kênh Bạc Liêu - Cà Mau phường Tân Thành – Cà Mau)/Ngã ba sông Gành Hào	V
13	Sông Gành Hào	Ngã ba kênh Lương Thế Trân - Cảng xếp dỡ phường An Xuyên về phía thượng lưu 200 m	V
14	Kênh 30/4	Kênh Bạc Liêu - Cà Mau/Biển Đông	V
15	Kênh Vĩnh Mỹ - Phước Long	Kênh Bạc Liêu - Cà Mau/Kênh Quản Lộ - Phụng Hiệp	VI
16	Kênh Cầu Sập - Ninh Quới	Kênh Bạc Liêu - Cà Mau/Kênh Quản Lộ - Phụng Hiệp	V
17	Kênh Ninh Quới - Ngan Dừa	Kênh Quản Lộ - Phụng Hiệp/sông Cái Tàu	IV
18	Kênh Giá Rai - Phó Sinh	Kênh Bạc Liêu - Cà Mau/Kênh Quản Lộ - Phụng Hiệp	IV
19	Kênh Xóm Lung - Cái Cùg	Kênh Bạc Liêu - Cà Mau/Biển Đông	V
20	Kênh Hộ Phòng - Chủ Chí	Kênh Bạc Liêu - Cà Mau/Kênh Quản Lộ - Phụng Hiệp	III
21	Kênh Cây Giang	Kênh Bạc Liêu - Cà Mau/Biển Đông	VI
22	Kênh Phó Sinh - Cạnh Đèn	Kênh Quản Lộ - Phụng Hiệp/sông Cạnh Đèn	V
23	Kênh Xáng Láng Trâm	Kênh Bạc Liêu - Cà Mau/Kênh Quản Lộ - Phụng Hiệp	V
24	Kênh Chủ Chí - Chợ Hội	Kênh Quản Lộ - Phụng Hiệp/xã Trí Phải	V
25	Sông Cái Tàu	Áp Ba Đình - Ranh An Giang/Ranh Cần Thơ	IV

Ghi chú:

- Trong quá trình thực hiện có thể cập nhật điều chỉnh theo các Quyết định điều chỉnh của quy hoạch cấp trên (nếu có) và theo từng dự án đầu tư.

- Ngoài các tuyến đường thủy nêu trên, xem xét nhu cầu thực tế để điều chỉnh hoặc phát triển thêm các tuyến phù hợp với mục tiêu định hướng phát triển, sắp xếp, phân bố không gian các hoạt động kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Các tuyến đường thủy do các xã, phường quản lý sẽ được cụ thể hóa trong các quy hoạch chi tiết ngành, quy hoạch đô thị và nông thôn, quy hoạch khác có liên quan và các dự án phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của các địa phương.



PHỤ LỤC VIII
PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN CẢNG BIỂN, CẢNG THỦY NỘI ĐỊA
TỈNH CÀ MAU THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050
(Kèm theo Quyết định số 568/QĐ-UBND ngày 27 tháng 02 năm 2026
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau)

A. CẢNG BIỂN

Cảng biển thực hiện theo Quyết định số 1579/QĐ-TTg ngày 22/09/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng biển Việt Nam thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Quyết định số 442/QĐ-TTg ngày 22/5/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng biển Việt Nam thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

B. CẢNG THỦY NỘI ĐỊA

Cảng thủy nội địa cơ bản thực hiện theo Quyết định số 1829/QĐ-TTg ngày 31/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Quyết định số 1587/QĐ-TTg ngày 17/12/2024 phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

STT	Tên danh mục	Định hướng đến năm 2030		Địa điểm
		Cỡ tàu	Công suất	
I	Cảng hành khách			
1	Cảng khách Năm Căn	100 (ghé)	2 triệu lượt HK/năm	Xã Năm Căn
2	Cảng khách Đất Mũi	100 (ghé)	2 triệu lượt HK/năm	Xã Đất Mũi
3	Cảng khách Hòn Khoai	100 (ghé)	2 triệu lượt HK/năm	Xã Đất Mũi
4	Cảng khách Hòn Chuối	100 (ghé)	2 triệu lượt HK/năm	Xã Sông Đốc
5	Cụm cảng khách Cà Mau (cảng khách Ông Đốc; cảng khách Cà Mau...)	100 (ghé)	7 triệu lượt HK/năm	Sông Gành Hào, Ông Đốc
6	Cụm cảng khách Sóc Trăng - Bạc Liêu	100 (ghé)	5,2 triệu HK/năm	Sông Cỏ Cò, kênh Phú Hữu Bãi Xàu, kênh Vàm Léo, Bạc Liêu - Cà Mau
7	Cảng hành khách kết hợp với cảng cá Nhà Mát	100 (ghé)	1 triệu HK/năm	Kênh 30/4, phường Hiệp Thành
8	Cảng hành khách khác	100 (ghé)	2 triệu lượt	Các xã, phường

STT	Tên danh mục	Định hướng đến năm 2030		Địa điểm
		Cỡ tàu	Công suất	
			HK/năm	
II	Cảng hàng hóa			
1	Cụm cảng Khí - điện - đạm Cà Mau	2.000T	800.000 T/năm	Xã Khánh An
2	Cụm cảng dịch vụ Khánh An (Khu công nghiệp Khánh An, Khu công nghiệp Tác Thủ)	2.000T	300.000 T/năm	Xã Khánh An
3	Cảng kho xăng dầu Tác Vân	300T	250.000 T/năm	Phường Tân Thành
4	Cảng hàng hóa Xã Hồ Thị Kỳ	1.000 - 2.000T	500.000 - 1.000.000 T/năm	Xã Hồ Thị Kỳ
5	Cảng Cà Mau	1.000 - 2.000T	500.000 T/năm	Phường An Xuyên
6	Cảng sông Gành Hào	1.000 - 2.000T	500.000 T/năm	Xã Tân Thuận
7	Cảng Tân Thành	1.000 - 2.000T	500.000 T/năm	Phường Tân Thành
8	Cảng Ông Đốc (gồm cảng Tấn Phát)	1.000 - 2.000T	300.000 T/năm	Xã Sông Đốc
9	Cảng Đất Mũi	1.000 - 2.000T	300.000 T/năm	Xã Đất Mũi
10	Cảng Hòn Chuối	1.000 - 2.000T	300.000 T/năm	Xã Sông Đốc
11	Cảng Hộ Phòng (gồm cảng Tấn Tấn Phát)	1.000 T	800.000 T/năm	Phường Giá Rai
12	Cảng Bạc Liêu	1.000 T	500.000 T/năm	Phường Vĩnh Trạch
13	Cảng Văn Hiến	1.000 T	300.000 T/năm	Xã Hưng Hội
14	Cảng Kênh Quản Lộ - Phụng Hiệp	1.000 T	900.000 T/năm	Các xã dọc kênh Quản Lộ - Phụng Hiệp



	Tên danh mục	Định hướng đến năm 2030		Địa điểm
		Cỡ tàu	Công suất	
15	Cảng hàng hóa, du lịch (Khu tượng đài kỷ niệm chuyển tàu tập kết ra Bắc)	1.000 - 2.000T	300.000 T/năm	Xã Sông Đốc
16	Cảng hàng hóa khác		1.800.000 T/năm	Tỉnh Cà Mau

Ghi chú:

- Tên, quy mô, công suất, phân kỳ đầu tư, phạm vi ranh giới dự án được xác định trong quá trình lập quy hoạch chi tiết ngành, quy hoạch đô thị và nông thôn.

- Tổ chức thực hiện, lộ trình đầu tư được xác định theo nhu cầu phát triển của địa phương và tuân thủ quy định pháp luật. Vị trí, địa điểm dự án tại các địa phương trên địa bàn tỉnh được xem xét, bổ sung, điều chỉnh căn cứ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, đảm bảo tuân thủ chỉ tiêu phát triển và các quy định pháp luật.

- Hệ thống bến thủy nội địa sẽ được xác định trong các quy hoạch chi tiết ngành, quy hoạch đô thị và nông thôn, quy hoạch khác có liên quan theo quy định của pháp luật; ở các dự án cụ thể phù hợp với tình hình phát triển kinh tế xã hội của các địa phương.

PHỤ LỤC IX
PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN KHU VỰC CÓ TIỀM NĂNG PHÁT TRIỂN CÁC
NGUỒN ĐIỆN TỈNH CÀ MAU THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050
(Kèm theo Quyết định số 568/QĐ-UBND ngày 27 tháng 02 năm 2026
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau)

I. ĐIỆN GIÓ

STT	Tên dự án	Công suất dự kiến (MW)	Phương án đấu nối	Địa điểm thực hiện	Ghi chú
	Giai đoạn 2026 - 2030	2.309			
1	Nhà máy điện gió Nhật Bản - Bạc Liêu	50	ĐZ 110kV mạch kép từ TBA NMDG Nhật Bản - Bạc Liêu đấu nối chuyển tiếp trên đường dây 110kV Hòa Bình - Đông Hải	Các xã: Long Điền, Đông Hải	QĐ 262/QĐ-TTg
2	Nhà máy điện gió Bạc Liêu giai đoạn III	141	ĐZ 220kV đấu nối từ TBA NMDG Bạc Liêu giai đoạn III tới TBA 220kV Bạc Liêu	Các phường: Hiệp Thành, Vĩnh Trạch, Bạc Liêu. Các xã: Hưng Hội, Vĩnh Lợi	QĐ 262/QĐ-TTg
3	Nhà máy điện gió Hòa Bình 3	50	ĐZ 110kV đấu nối từ TBA NMDG Hòa Bình 3 tới trạm 220kV Hòa Bình hoặc đấu nối vào TBA 110kV NMDG Hòa Bình 2	Xã Vĩnh Hậu	QĐ 262/QĐ-TTg
4	Nhà máy điện gió Hòa Bình 2-1	50	ĐZ 110kV đấu nối từ TBA NMDG Hòa Bình 2-1 tới trạm 220kV Hòa Bình hoặc đấu nối vào TBA 110kV NMDG Hòa Bình 2	Xã Vĩnh Hậu	QĐ 262/QĐ-TTg
5	Nhà máy điện gió Hòa Bình 4	50	ĐZ 110kV đấu nối từ TBA NMDG Hòa Bình 4 tới trạm 220kV Hòa Bình hoặc đấu nối vào TBA 110kV NMDG Hòa Bình 1	Xã Vĩnh Hậu	QĐ 262/QĐ-TTg
6	Nhà máy điện gió Hòa Bình 6	40	ĐZ 220 kV NMDG Hòa Bình 6 - NMDG Kosy Bạc Liêu (giai đoạn 1) hoặc đấu nối vào TBA 220kV Hòa Bình	Các xã: Vĩnh Hậu, Hòa Bình	QĐ 262/QĐ-TTg



STT	Tên dự án	Công suất dự kiến (MW)	Phương án đấu nối	Địa điểm thực hiện	Ghi chú
7	Nhà máy điện gió Hòa Bình 8	50	ĐZ 110kV đấu nối từ TBA NMDG Hòa Bình 8 tới trạm 220kV Hòa Bình hoặc nối chuyển tiếp trên ĐZ 110kV Hòa Bình - Bạc Liêu	Xã Vĩnh Hậu	QĐ 262/QĐ-TTg
8	Nhà máy điện gió Hòa Bình 5.1	80	ĐZ 220kV đấu nối từ TBA NMDG Hòa Bình 5.1 đến TBA 220kV Hòa Bình hoặc đấu nối về TBA 220kV NMDG Hòa Bình 5 (giai đoạn 1)	Xã Vĩnh Hậu	QĐ 262/QĐ-TTg
9	Nhà máy điện gió Đông Hải 1 - giai đoạn 3	50	Đấu nối về TC 110kV trạm cắt Hòa Bình 2 thuộc NMDG Đông Hải 1 (dùng chung ĐZ đấu nối 110kV từ Trạm cắt Hòa Bình 2 tới ĐZ 110kV Đông Hải - Hòa Bình) hoặc ĐZ 110kV đấu nối từ TBA NMDG Đông Hải 1 - giai đoạn 3 tới trạm 220kV Giá Rai	Xã Đông Hải	QĐ 262/QĐ-TTg
10	Nhà máy điện gió Đông Hải 6	30	ĐZ đấu nối từ TBA 110kV NMDG Đông Hải 6 vào TC 110kV TBA 110kV NMDG An Phúc Đông Hải (dùng chung đường dây đấu nối từ TBA 110kV NMDG An Phúc Đông Hải vào ngăn lộ 110kV trạm 220kV Giá Rai)	Xã Định Thành	QĐ 262/QĐ-TTg
11	Nhà máy điện gió Đông Hải 5	36	Đấu nối vào TBA nhà máy điện gió Đông Hải 6	Xã Định Thành	QĐ 262/QĐ-TTg
12	Nhà máy điện gió An Phúc Đông Hải	40	Đường dây mạch kép đấu nối từ TBA 110kV NMDG An Phúc Đông Hải vào ngăn lộ 110kV trạm 220kV Giá Rai	Các xã: Phong Thạnh, An Trạch, Định Thành	QĐ 262/QĐ-TTg
13	Nhà máy điện gió Đông Hải 13	100	ĐZ 220kV đấu nối từ NMDG Đông Hải 13 vào TBA 220kV Giá Rai	Các xã: Đông Hải, Long Điền, An Trạch, Phong Thạnh	QĐ 262/QĐ-TTg

STT	Tên dự án	Công suất dự kiến (MW)	Phương án đấu nối	Địa điểm thực hiện	Ghi chú
14	Nhà máy điện gió Đông Hải 3 - giai đoạn 1	50	ĐZ 110kV đấu nối từ TBA NMDG Đông Hải 3 - giai đoạn 1 vào 110kV TBA 110kV Đông Hải	Xã Gành Hào	QĐ 262/QĐ-TTg
15	Nhà máy điện gió Cà Mau 1A	88	Đường 220kV mạch kép từ trạm 220kV Nhà máy điện gió Cà Mau 1A đấu nối vào thanh cái 220kV trạm biến áp 220kV Cà Mau 2, mở rộng ngăn lộ 220kV trạm 220kV Cà Mau 2	Các xã: Tân Tiến, Thanh Tùng, Đàm Dơi, Trần Phán, Tân Hưng, Lương Thê Trân, Khánh Bình, Khánh An	QĐ 262/QĐ-TTg
16	Nhà máy điện gió Cà Mau 1B	88	Trạm biến áp 220kV Nhà máy điện gió Cà Mau 1A, mở rộng ngăn lộ 35kV máy biến áp AT1; sử dụng chung đường dây 220kV nhà máy điện gió Cà Mau 1A	Xã Tân Tiến	QĐ 262/QĐ-TTg
17	Nhà máy điện gió Khu du lịch Khai Long - Cà Mau giai đoạn 1	100	ĐZ 110kV mạch kép TBA 110kV NMDG KDL Khai Long - Cà Mau giai đoạn 1 - TBA 220kV Năm Căn	Các xã: Đất Mũi, Đất Mới	QĐ 262/QĐ-TTg
18	Nhà máy điện gió An Đông 1	50	ĐZ 110kV mạch kép TBA 110kV NMDG An Đông 1 đấu nối chuyển tiếp trên ĐZ NMDG Viên An - TBA 110kV Rạch Gốc	Xã Phan Ngọc Hiến	QĐ 262/QĐ-TTg
19	Nhà máy điện gió Khánh Bình Tây	50	ĐZ 110kV mạch kép TBA 110kV NMDG Khánh Bình Tây đấu nối chuyển tiếp trên đường dây 110kV TBA 110kV Trần Văn Thời - TBA 220kV Cà Mau 2	Các xã: Khánh Hưng, Trần Văn Thời	QĐ 262/QĐ-TTg
20	Nhà máy điện gió Khai Long Giai đoạn 2	100	Mở rộng 2 ngăn lộ 110kV tại Trạm biến áp 110kV NMDG Khai Long giai đoạn 1, lắp thêm máy biến áp T3 và T4; chia sẻ chung hạ tầng đường dây 110kV NMDG KDL Khai Long - Cà Mau giai đoạn 1	Xã Đất Mũi	QĐ 262/QĐ-TTg



STT	Tên dự án	Công suất dự kiến (MW)	Phương án đấu nối	Địa điểm thực hiện	Ghi chú
21	Nhà máy điện gió Cà Mau 1C	88	Trạm biến áp 220kV Nhà máy điện gió Cà Mau 1A, lắp thêm máy biến áp AT2; sử dụng chung đường dây 220kV Nhà máy điện gió Cà Mau 1A	Xã Tam Giang	QĐ 262/QĐ-TTg
22	Nhà máy điện gió Cà Mau 1D	86	Trạm biến áp 35/220kV Nhà máy điện gió Cà Mau 1A, mở rộng ngăn lộ 35kV máy biến áp AT2; sử dụng chung đường dây 220kV Nhà máy điện gió Cà Mau 1A	Xã Tam Giang	QĐ 262/QĐ-TTg
23	Nhà máy điện gió Khai Long Giai đoạn 3	100	Mở rộng 2 ngăn lộ 110kV tại Trạm biến áp 110kV NMDG Khai Long giai đoạn 1, lắp thêm máy biến áp T5 và T6; chia sẻ chung hạ tầng đường dây 110kV NMDG KDL Khai Long - Cà Mau giai đoạn 1	Xã Đất Mũi	QĐ 262/QĐ-TTg
24	Nhà máy điện gió Viên An Đông	60	Trạm biến áp 110kV ĐG Viên An, lắp thêm máy biến áp T2 (40MVA) và T3 (40MVA), sử dụng chung đường dây 110kV đấu nối ĐG Viên An	Xã Phan Ngọc Hiển	QĐ 1682/QĐ-TTg
25	Nhà máy điện gió Đông Hải 1 Giai đoạn 4	50	Đấu nối về TC110kV trạm cắt Hòa Bình 2 thuộc NMDG Đông Hải 1 (dùng chung đường dây đấu nối 110kV từ Trạm cắt Hòa Bình 2 tới ĐZ 110kV Đông Hải - Hòa Bình) hoặc ĐZ 220kV đấu nối từ NMDG Đông Hải 1 - Giai đoạn 4 tới TBA 220kV NMDG Đông Hải 13 (dùng chung đường dây đấu nối từ TBA NMDG Đông Hải 13 vào TBA 220kV Giá Rai)	Các xã: Đông Hải, Long Điền	QĐ 768/QĐ-TTg

STT	Tên dự án	Công suất dự kiến (MW)	Phương án đấu nối	Địa điểm thực hiện	Ghi chú
26	Nhà máy điện gió Đông Hải 13 Giai đoạn 2	70	Đấu nối vào TBA 220kV NMDG Đông Hải 13 (dùng chung đường dây đấu nối từ TBA NMDG Đông Hải 13 vào TBA 220kV Giá Rai) hoặc đấu nối chuyên tiếp trên dz 220kV NMDG DH13-TBA 220kV Giá Rai	Các xã: Đông Hải, Long Điền	QĐ 768/QĐ-TTg
27	Nhà máy điện gió Đông Hải 3 - giai đoạn 2	50	Đấu nối vào TC110kV TBA 110kV Nhà máy điện gió Đông Hải 3 - giai đoạn 1 (dùng chung đường dây đấu nối từ TBA 110kV NMDG Đông Hải 3 - giai đoạn 1 vào TBA 110kV Đông Hải)	Xã Gành Hào	QĐ 768/QĐ-TTg
28	Nhà máy điện gió Hòa Bình 6 - giai đoạn 2	100	Đường dây 220 kV đấu nối từ NMDG Hòa Bình 6 - GĐ2 vào TBA 220 kV Hòa Bình	Các xã: Hòa Bình, Vĩnh Hậu	QĐ 768/QĐ-TTg
29	Nhà máy điện gió Ngọc Hiển - Viên An	100	Trạm biến áp 110kV ĐG Viên An, lắp thêm máy biến áp T4 (63MVA) và T5 (63MVA), sử dụng chung đường dây 110kV đấu nối ĐG Viên An	Xã Phan Ngọc Hiển	QĐ 768/QĐ-TTg
30	Nhà máy điện gió Ngọc Hiển - Tam Giang Tây	100	ĐZ 220kV mạch kép TBA NMDG Ngọc Hiển - Tam Giang Tây chuyên tiếp trên đường dây 220kV Năm Căn - Cà Mau 2	Xã Tân Ân	QĐ 768/QĐ-TTg
31	Nhà máy điện gió Ngọc Hiển - Rạch Gốc	60	- Phương án 1: Đấu nối về TBA 110kV NMDMT Ngọc Hiển - Phương án 2: Đấu nối về TBA 110kV NMDG Tân Ân 1 <i>(Phương án đấu nối được lựa chọn phù hợp trào lưu lưới điện tại thời điểm đấu nối)</i>	Xã Phan Ngọc Hiển	QĐ 768/QĐ-TTg
32	Nhà máy điện gió Ngọc Hiển - Đất Mũi	67	Đấu nối về thanh cái 110kV trạm biến áp 220kV NMDG Viên An	Xã Đất Mũi, xã Phan Ngọc Hiển	QĐ 768/QĐ-TTg



STT	Tên dự án	Công suất dự kiến (MW)	Phương án đấu nối	Địa điểm thực hiện	Ghi chú
33	Nhà máy điện gió Ngọc Hiến - Tân Ân 1	60	- Phương án 1: Đấu nối về TBA NMĐG Tân Ân 1 - Phương án 2: Đấu nối về TBA 220kV NMĐG Ngọc Hiến - Tam Giang Tây (Phương án đấu nối được lựa chọn phù hợp trào lưu lưới điện tại thời điểm đấu nối)	Xã Tân Ân, Xã Phan Ngọc Hiến	QĐ 768/QĐ-TTg
34	Nhà máy điện gió Tân Thuận giai đoạn 3	25	Đấu nối về thanh cái 22kV Trạm biến áp 110kV Nhà máy điện gió Tân Thuận giai đoạn 1; sử dụng chung đường dây 110kV Nhà máy điện gió Tân Thuận giai đoạn 1	Xã Tân Thuận	QĐ 262/QĐ-TTg
Giai đoạn 2031-2035		1.293			
1	Nhà máy điện gió Ngọc Hiến - Viên An Đông	100	Trạm biến áp 220kV ĐG Viên An đấu nối trung áp về 220kV ĐG Viên An, sử dụng chung đường dây 220kV đấu nối trạm 220kV ĐG Viên An	Xã Phan Ngọc Hiến	QĐ 768/QĐ-TTg
2	Nhà máy điện gió Ngọc Hiến - Tân Ân 2	150	Trạm 110kV ĐG Ngọc Hiến - Tân Ân 2 đấu nối bằng đường dây 110kV mạch kép về trạm 220kV Ngọc Hiến - Tam Giang Tây, quy mô 2x15km	Xã Tân Ân	QĐ 768/QĐ-TTg
3	Nhà máy điện gió Ngọc Hiến - Tân Ân 3	142	NMĐG Ngọc Hiến - Tân Ân 2 và nhà máy điện gió Ngọc Hiến - Tân Ân 3 gom công suất về trạm 110kV ĐG Ngọc Hiến - Tân Ân 2	Xã Tân Ân	QĐ 768/QĐ-TTg
4	Nhà máy điện gió Ngọc Hiến - Tam Giang Tây 1	200	ĐZ 110kV mạch kép nhà máy điện gió Ngọc Hiến - Tam Giang Tây 1 - TBA 220kV nhà máy điện gió Ngọc Hiến - Tam Giang Tây	Xã Tân Ân	QĐ 768/QĐ-TTg

STT	Tên dự án	Công suất dự kiến (MW)	Phương án đấu nối	Địa điểm thực hiện	Ghi chú
5	Nhà máy điện gió Năm Căn - Tam Giang Đông	100	ĐZ 110kV mạch kép nhà máy điện gió Năm Căn - Tam Giang Đông - TBA 220kV nhà máy điện gió Ngọc Hiến - Tam Giang Tây	Xã Tam Giang	QĐ 768/QĐ-TTg
6	Nhà máy điện gió Ngọc Hiến - Đất Mũi 1	50	ĐZ 110kV mạch kép nhà máy điện gió Ngọc Hiến - Đất Mũi 1 đấu nối chuyển tiếp trên 1 mạch ĐZ nhà máy điện gió Ngọc Hiến - Khai Long 4 - TBA 220kV điện gió Viên An	Xã Đất Mũi	QĐ 768/QĐ-TTg
7	Nhà máy điện gió Ngọc Hiến - Khai Long 4	100	ĐZ 110kV mạch kép TBA nhà máy điện gió Ngọc Hiến - Khai Long 4 - TBA 220kV điện gió Viên An	Xã Đất Mũi	QĐ 768/QĐ-TTg
8	Nhà máy điện gió Trần Văn Thời - Phong Điền	50	ĐZ 110kV mạch kép TBA 110kV nhà máy điện gió Trần Văn Thời - Phong Điền - TBA 110kV Sông Đốc	Xã Sông Đốc	QĐ 768/QĐ-TTg
9	Nhà máy điện gió U Minh - Khánh Tiến	50	ĐZ 110kV mạch kép nhà máy điện gió U Minh - Khánh Tiến - TBA 110kV U Minh	Xã U Minh	QĐ 768/QĐ-TTg
10	Nhà máy điện gió Hòa Bình 9	200	Đường dây 220 kV đấu nối từ nhà máy điện gió Hòa Bình 9 vào TBA 220 kV Hòa Bình	Xã Vĩnh Hậu	Triển khai giai đoạn 2026-2035 khi được cấp có thẩm quyền cập nhật chính thức trong Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia



STT	Tên dự án	Công suất dự kiến (MW)	Phương án đấu nối	Địa điểm thực hiện	Ghi chú
11	Nhà máy điện gió Hòa Bình - Đông Hải 1 (giai đoạn 1)	151	Đường dây 220 kV đấu nối từ nhà máy điện gió Hòa Bình - Đông Hải 1 vào TBA 220 kV Hòa Bình 9	Các xã: Vĩnh Hậu, Đông Hải	Triển khai giai đoạn 2026-2035 khi được cấp có thẩm quyền cập nhật chính thức trong Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia
	Các dự án tiềm năng	10.892			
1	Nhà máy điện gió Đàm Thị Tường	300	Phương án 1: Đấu nối cấp điện áp 220kV về trạm biến áp 500kV. Phương án 2: Đấu nối cấp điện áp 220kV về trạm 220kV NMD Mặt trời Đàm Thị Tường giai đoạn 2	Các xã: Phú Mỹ, Hưng Mỹ, Trần Văn Thời	Dự án tiềm năng triển khai khi được cấp thẩm quyền cập nhật Quy hoạch điện lực quốc gia
2	Tiềm năng điện gió gần bờ	1.642	Đấu nối cấp điện áp 220kV hoặc 500kV	Các xã: Gành Hào, Tân Thuận, Tân Tiến, Tam Giang, Cái Đôi Vàm	Dự án tiềm năng triển khai khi được cấp thẩm quyền cập nhật Quy hoạch điện lực quốc gia
3	Tiềm năng điện gió trên bờ	900	Đấu nối cấp điện áp 220kV hoặc 500kV	Các xã: Tam Giang, Tân Ân, Tân Tiến	Dự án tiềm năng triển khai khi được cấp thẩm quyền cập nhật Quy hoạch điện lực quốc gia
4	Tiềm năng điện gió ngoài khơi	3.000	Sản xuất năng lượng mới và xuất khẩu điện không qua lưới điện quốc gia	Xã Đất Mũi	Dự án tiềm năng triển khai khi được cấp thẩm quyền cập nhật Quy hoạch điện lực quốc gia

STT	Tên dự án	Công suất dự kiến (MW)	Phương án đấu nối	Địa điểm thực hiện	Ghi chú
5	Điện gió ven bờ/gần bờ khu vực biển Tây	500	Đấu nối cấp điện áp 220kV hoặc 500kV	Các xã: U Minh, Khánh Lâm, Đá Bạc, Khánh Hưng, Sông Đốc, Phú Tân, Cái Đoi Vàm	Dự án tiềm năng triển khai khi được cấp thẩm quyền cập nhật Quy hoạch điện lực quốc gia
6	Điện gió ven bờ/gần bờ khu vực biển Đông	400	Đấu nối cấp điện áp 220kV hoặc 500kV	Các xã: Tân Tiến, Tam Giang	Dự án tiềm năng triển khai khi được cấp thẩm quyền cập nhật Quy hoạch điện lực quốc gia
7	Điện gió Hiệp Thành	300	Phương án 1: Đấu nối cấp điện áp 500kV, chuyển tiếp trên đường dây 500kV Thốt nốt - LNG Bạc Liêu Phương án 2: Đấu nối cấp điện áp 500kV về TBA 500kV LNG Bạc Liêu	Các phường: Hiệp Thành, Vĩnh Trạch, Bạc Liêu; các xã: Hưng Hội, Vĩnh Lợi	Dự án tiềm năng triển khai khi được cấp có thẩm quyền cập nhật Quy hoạch điện lực quốc gia
8	Tiềm năng điện gió khu vực Tân Tiến, Tam Giang	2.000	Đấu nối cấp điện áp 200kV hoặc 500kV	Các xã: Tân Tiến, Tam Giang	Dự án tiềm năng triển khai khi được cấp có thẩm quyền cập nhật Quy hoạch điện lực quốc gia
9	Tiềm năng điện gió khu vực Đông Hải, Long Điền, Gành Hào	1.850	Đấu nối cấp điện áp 200kV hoặc 500kV	Các xã: Đông Hải, Long Điền, Gành Hào	Dự án tiềm năng triển khai khi được cấp có thẩm quyền cập nhật Quy hoạch điện lực quốc gia

II. ĐIỆN MẶT TRỜI

STT	Tên dự án	Công suất dự kiến (MW)	Giai đoạn vận hành	Phương án đấu nối	Địa điểm thực hiện	Ghi chú
1	Nhà máy điện mặt trời Ngọc Hiến	50	2026-2030	ĐZ 110kV mạch kép nhà máy điện mặt trời Ngọc Hiến - 220kV Năm Căn; mở rộng ngăn lộ 110kV TBA 220kV Năm Căn	Các xã: Phan Ngọc Hiến, Tân Ân, Đất Mới	QĐ 768/QĐ-TTg
2	Nhà máy điện mặt trời kết hợp hệ thống pin lưu trữ An Phúc Đông Hải	50	2026-2030	Đường dây đấu nối từ TBA 110kV máy điện mặt trời kết hợp pin lưu trữ An Phúc Đông Hải vào TC 110kV TBA 110kV nhà máy điện gió An Phúc Đông Hải (dùng chung đường dây đấu nối từ TBA 110kV nhà máy điện gió An Phúc Đông Hải vào ngăn lộ 110kV trạm 220kV Giá Rai)	Xã Định Thành	QĐ 768/QĐ-TTg
3	Điện mặt trời tự sản xuất tự tiêu thụ	117	2026-2030	Cấp trung, hạ áp	Địa bàn các xã, phường	QĐ 768/QĐ-TTg
4	Nhà máy điện mặt trời Đầm Thị Tường	500	2026-2030	Phương án 1: Đấu nối cấp điện áp 220kV về trạm 500kV Cà Mau Phương án 2: Đấu nối chuyển tiếp trên đường dây 220kV Năm Căn - Cà Mau <i>(Phương án đấu nối được lựa chọn phù hợp trào lưu lưới điện tại thời điểm đấu nối)</i>	Các xã: Phú Mỹ, Hưng Mỹ, Trần Văn Thời	Dự án tiềm năng triển khai khi được cấp thẩm quyền cập nhật Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia
		500	2031-2035	Đấu nối cấp điện áp 220kV về trạm 500kV Cà Mau		

STT	Tên dự án	Công suất dự kiến (MW)	Giai đoạn vận hành	Phương án đấu nối	Địa điểm thực hiện	Ghi chú
5	Nhà máy điện mặt trời Vĩnh Hậu	200	2031-2035	Đấu nối cấp 220kV	Xã Vĩnh Hậu	Dự án tiềm năng triển khai khi được cấp thẩm quyền cập nhật Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia
6	Điện mặt trời kết hợp nuôi trồng thủy sản và du lịch	250	2031-2035	Đấu nối cấp 220kV	Xã Đất Mũi	Dự án tiềm năng triển khai khi được cấp thẩm quyền cập nhật Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia
7	Điện mặt trời kết hợp nuôi trồng thủy sản gắn với kinh tế tuần hoàn và nông nghiệp công nghệ cao (điện mặt trời trên ao nuôi tôm)	1.000		Đấu nối cấp điện áp 220kV hoặc 500kV	Các xã: Tân Tiến, Tam Giang	Dự án tiềm năng triển khai khi được cấp thẩm quyền cập nhật Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia
8	Điện mặt trời khu lấn biển tỉnh Cà Mau	5.000		Đấu nối lưới điện quốc gia hoặc tự tiêu thụ	Xã Đất Mũi	Dự án tiềm năng triển khai khi được cấp thẩm quyền cập nhật Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia
	Tổng cộng	7.667				



III. ĐIỆN SINH KHỐI VÀ ĐIỆN RÁC

STT	Tên dự án	Công suất dự kiến (MW)		Giai đoạn vận hành	Phương án đấu nối
		Theo công suất được phân bổ trong Quy hoạch điện VIII	Theo công suất tiềm năng khi được cấp thẩm quyền cập nhật Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia		
I	Điện rác	16	32		
1	Các Nhà máy điện rác địa bàn tỉnh Cà Mau (vị trí tại các khu xử lý chất thải trong Quy hoạch tỉnh thuộc xã Khánh An, xã Đất Mới, xã Phước Long, xã Vĩnh Lợi, xã Long Điền, phường An Xuyên; công suất nhà máy điện được xác định theo lượng rác thực tế khi đề xuất dự án đầu tư)	16	32	2026 - 2035	Đấu nối cấp điện áp 22kV hoặc 110kV khu vực gần nhất
II	Điện sinh khối	24			
1	Nhà máy điện sinh khối Khánh An (không đốt từ cây rừng)	24		2026 - 2030	Đấu nối cấp điện áp 22kV

IV. ĐIỆN KHÍ

STT	Tên dự án	Công suất dự kiến (MW)	Giai đoạn vận hành	Địa điểm thực hiện	Ghi chú
1	Nhà máy điện khí hóa lỏng LNG Bạc Liêu	3.200	2025 - 2030	Xã Vĩnh Hậu	
2	Mở rộng nhà máy nhiệt điện Cà Mau 1&2	1.500	2026 - 2035	Xã Khánh An	Dự án dự phòng triển khai khi được cấp thẩm quyền cập nhật chính thức trong Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia
	Tổng cộng	4.700			

V. XUẤT KHẨU ĐIỆN

STT	Tên dự án	Công suất dự kiến (MW)	Loại nguồn	Địa điểm thực hiện	Ghi chú
1	Dự án xuất khẩu điện	12.000 - 15.000	Các nguồn từ năng lượng tái tạo và điện gió ngoài khơi	Các xã, phường ven biển: Hiệp Thành, Vĩnh Hậu, Đông Hải, Long Điền, Gành Hào, Tân Thuận, Tân Tiến, Tam Giang, Tân Ân, Phan Ngọc Hiến, Đất Mũi	QĐ 768/QĐ-TTg

VI. NGUỒN ĐIỆN LƯU TRỮ

STT	Tên dự án	Công suất dự kiến (MW)	Giai đoạn vận hành	Địa điểm thực hiện	Ghi chú
1	Các nhà máy lưu trữ điện độc lập	500	2026 - 2030	Các xã: Tân Ân, Phan Ngọc Hiến	Đầu nối vào trạm biến áp 110kV Rạch Góc để ổn định lưới điện
2	Nhà máy lưu trữ điện độc lập Giá Rai	100	2026 - 2030	Phường Giá Rai	Đầu nối vào trạm biến áp 220kV Giá Rai để ổn định lưới điện
3	Nhà máy lưu trữ điện độc lập Hòa Bình	100	2026 - 2030	Xã Hòa Bình	Đầu nối vào trạm biến áp 220kV Hòa Bình để ổn định lưới điện

VII. NGUỒN ĐIỆN TỰ SẢN, TỰ TIÊU SẢN XUẤT NĂNG LƯỢNG MỚI VÀ MUA BÁN ĐIỆN TRỰC TIẾP

STT	Tên dự án	Công suất dự kiến (MW)	Giai đoạn vận hành	Địa điểm thực hiện	Ghi chú
1	Các nhà máy điện DPPA	500	2026 - 2030	Các xã, phường	Nguồn điện năng lượng tái tạo
2	Nguồn điện năng lượng tái tạo để sản xuất hydro và amoniac	4.500	2026 - 2030	Các xã, phường ven biển: Hiệp Thành, Vĩnh Hậu, Đông Hải, Long Điền, Gành Hào, Tân Thuận, Tân Tiến, Tam Giang, Tân Ân, Phan Ngọc Hiến, Đất Mũi	2.500MW điện gió gần bờ và ngoài khơi; 2.000MW điện mặt trời tập trung và kết hợp nuôi trồng thủy sản


VIII. CÁC DỰ ÁN NĂNG LƯỢNG KHÁC

STT	Tên dự án	Quy hoạch	Ghi chú
I	Dự án năng lượng khí theo Quyết định số 893/QĐ-TTg ngày 26/7/2023 của Thủ tướng Chính phủ		
1	Kho LNG Tây Nam Bộ (FSRU/trên bờ; bao gồm đường ống từ kho LNG về bờ cấp khí cho các đơn vị tiêu thụ khí khu vực Cà Mau)	1 - 3 triệu tấn m ³ /năm	Khu vực Cà Mau, Kiên Giang (cũ); nay là Cà Mau, An Giang
2	Đường ống dẫn khí Lô B - Ô Môn (phần qua địa bàn tỉnh Cà Mau)	6,4 tỷ m ³ /năm (dài 329 km)	
3	Đường ống từ mỏ Nam Du, U Minh về đường ống PM3 - Cà Mau	0,5 tỷ m ³ /năm (30 - 40 km)	
4	Đường ống cấp bù khí PM3 - Cà Mau (từ KP209 của đường ống Lô B)	2,4 tỷ m ³ /năm (dài 37 km)	
5	Hệ thống đường ống từ nhà máy xử lý khí Cà Mau tới các đơn vị tiêu thụ lân cận	0,5 - 1 tỷ m ³ /năm	
6	Kho LNG cho các vị trí nhà máy điện tiềm năng, dự phòng cho các dự án nhà máy điện chậm tiến độ hoặc không thể triển khai (trong đó có khu vực tại Cà Mau)	1 - 3 triệu tấn/năm	Được thực hiện đồng bộ với nhà máy điện phù hợp với Quy hoạch Điện VIII
II	Các dự án dầu, khí tiềm năng		
1	Nhà máy lọc hóa dầu từ nguồn dầu thô nhập khẩu	3 triệu tấn/năm	Dự án tiềm năng
2	Kho LNG nổi FSRU + cảng nhập LNG	1,5 triệu/năm	Dự án tiềm năng
3	Đường ống dẫn khí từ kho LNG nổi FSRU đến các nhà máy điện Cà Mau	2 tỷ m ³ /năm	Dự án tiềm năng
III	Dự án năng lượng mới		
1	Các nhà máy sản xuất Hydrogen, Amoniac + cảng xuất	60.000 tấn/năm	Cảng xuất cho tàu 5.000 tấn
2	Các nhà máy sản xuất Hydrogen, Amoniac + cảng xuất	26.248 tấn/năm	Cảng xuất cho tàu 8.000 tấn
3	Nhà máy sản xuất Hydrogen, Amoniac + cảng xuất	24.000 tấn/năm	Amoniac 180.000 tấn/năm

Ghi chú: Việc đầu tư các dự án nguồn điện có tiềm năng phát triển phải bảo đảm phù hợp với Điều chỉnh Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Điều chỉnh Quy hoạch điện VIII), kế hoạch thực hiện Điều chỉnh Quy hoạch điện VIII, các quy hoạch liên quan và các quyết định điều chỉnh, bổ sung (nếu có) của cấp có thẩm quyền.

PHỤ LỤC X
PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN MẠNG LƯỚI ĐIỆN PHÂN PHỐI TỈNH CÀ MAU
THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

*(Kèm theo Quyết định số 568/QĐ-UBND ngày 27 tháng 02 năm 2026
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau)*

A. DANH MỤC CÔNG TRÌNH TRẠM BIẾN ÁP

STT	Trạm biến áp	Công suất (MVA)		Địa điểm
		Hiện trạng năm 2025	Dự kiến năm 2030	
I	Nâng cấp cải tạo			
	<i>Cấp điện áp 220kV</i>			
1	Trạm 220 kV Bạc Liêu	2x125	375	Phường Bạc Liêu
2	Trạm 220 kV Giá Rai	125	250	Phường Giá Rai
	<i>Cấp điện áp 110kV</i>			
1	Trạm 110kV Đầm Dơi	25+40	80	Xã Đầm Dơi
2	Trạm 110kV Sông Đốc	40	80	Xã Sông Đốc
3	Trạm 110kV Cái Nước	40	80	Xã Hưng Mỹ
4	Trạm 110kV Tân Hưng Tây	40	80	Xã Nguyễn Việt Khái
5	Trạm 110kV Rạch Gốc	40	80	Xã Phan Ngọc Hiển
6	Trạm 110kV Đông Hải	2x40	126	Xã Gành Hào
7	Trạm 110kV Giá Rai	2x40	126	Phường Giá Rai
8	Trạm 110kV Vĩnh Hậu	40	80	Xã Vĩnh Hậu
9	Trạm 110kV Hồng Dân	2x25	80	Xã Phước Long
II	Xây dựng mới			
	<i>Cấp điện áp 500kV</i>			
1	TBA 500 kV Bạc Liêu		1.800	Xã Vĩnh Mỹ
2	TBA 500 kV Cà Mau		1.800	Xã Lương Thế Trân
3	Trạm 500kV Mở rộng nhiệt điện Cà Mau 1&2		900	Xã Khánh An



	Trạm biến áp	Công suất (MVA)		Địa điểm
		Hiện trạng năm 2025	Dự kiến năm 2030	
4	Trạm 500kV LNG Bạc Liêu			Xã Vĩnh Mỹ
	<i>Cấp điện áp 220kV</i>			
1	TBA 220 kV Hòa Bình		500	Xã Vĩnh Hậu
2	TBA 220 kV Bạc Liêu 3		500	Phường Hiệp Thành
3	TBA 220 kV Năm Căn		500	Xã Đất Mới
4	TBA 220 kV nhà máy điện gió Ngọc Hiển - Tam Giang Tây (Cà Mau 3)		450	Xã Tân Ân
5	TBA 220kV điện gió Viên An		500	Xã Phan Ngọc Hiển
6	TBA 220 kV Bạc Liêu 4		500	Phường Hiệp Thành
7	TBA 220 kV Cà Mau 4		250	Xã Khánh An
8	TBA 220kV nhà máy điện gió Đông Hải 13		2x63	Các xã: Long Điền, Đông Hải
9	TBA 220kV nhà máy điện gió Đông Hải 13 - giai đoạn 2		85	Xã Đông Hải
10	TBA 220kV nhà máy điện gió Đông Hải 1 - giai đoạn 4		63	Xã Đông Hải
11	TBA 220kV Cụm Điện gió Cà Mau 1		2x250	Xã Tân Tiến
	<i>Cấp điện áp 110kV</i>			
1	Trạm 110kV Thới Bình		80	Xã Thới Bình
2	Trạm 110kV Định Bình		80	Phường Tân Thành
3	Trạm 110kV Hiệp Thành		80	Phường Hiệp Thành
4	Trạm 110kV Ngan Dừa		80	Xã Hồng Dân
5	TBA 110kV Láng Trâm		40	Xã Phong Thạnh
6	TBA 110kV Châu Hưng		40	Xã Vĩnh Lợi
7	TBA 110kV Ninh Quới		40	Xã Ninh Quới
8	TBA 110kV Vĩnh Mỹ		40	Xã Vĩnh Mỹ

STT	Trạm biến áp	Công suất (MVA)		Địa điểm
		Hiện trạng năm 2025	Dự kiến năm 2030	
9	TBA 110kV Nguyễn Huân		80	Xã Tân Tiến
10	TBA 110kV U Minh		40	Xã Nguyễn Phích
11	TBA 110kV KCN Hòa Trung		63	Xã Lương Thế Trân
12	TBA 110kV Khai Long		120	Xã Đất Mũi (đầu tư theo nhu cầu phụ tải)
13	TBA 110kV Đảo Hòn Khoai		40	Xã Đất Mũi (đầu tư khi đủ phụ tải)
14	TBA 110kV Đông Bắc		63	Phường An Xuyên
15	TBA 110kV Khu kinh tế Năm Căn		80	Xã Năm Căn
16	TBA 110kV Khánh Bình Tây		40	Xã Đá Bạc
17	TBA 110kV Khánh Hội		103	Xã Khánh Lâm
18	TBA 110kV Cái Đồi Vàm		80	Xã Cái Đồi Vàm
19	TBA 110kV Tân Thuận		63	Xã Tân Thuận
20	TBA 110kV Cụm công nghiệp Hồ Thị Kỳ		63	Xã Hồ Thị Kỳ
21	TBA 110kV Năm Căn 1		80	Xã Năm Căn
22	TBA 110kV Nhà máy điện gió Đông Hải 3 - giai đoạn 1		63	Xã Gành Hào
23	TBA 110kV Nhà máy điện gió Đông Hải 3 - giai đoạn 2		63	Xã Gành Hào
24	TBA 110kV Nhà máy điện gió An Phúc Đông Hải		63	Xã Định Thành
25	TBA 110kV Nhà máy điện gió Đông Hải 5		50	Xã Định Thành
26	TBA 110kV Nhà máy điện gió Đông Hải 6		40	Xã Định Thành
27	TBA 110kV Nhà máy điện gió Đông Hải 1 - giai đoạn 3		63	Xã Đông Hải
28	TBA 110kV Nhà máy điện mặt trời kết hợp hệ thống pin lưu trữ An Phúc Đông Hải		63	Xã Định Thành